TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2020/DS-ST
Ngày: 23 – 7 - 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Bích Thuận
2. Bà Lê Thị Phương Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh, Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 320/2019/TLST-DS ngày 25/12/2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: 266 – 268 đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim Y – sinh năm 1976; địa chỉ: số 16 đường số 2, Khu dân cư 13C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số 1071/2019/GUQ-CNBT ngày 25/11/2019) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Như T – sinh năm 1975

Địa chỉ: 231/57/23 đường B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (ông Lê Như T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng), bản tự khai ngày 14/01/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bà Lê Thị Kim Y đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày như sau: Ông Lê Như T có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng) đề ngày 13/5/2013 để vay tiền

của Ngân hàng sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân . Đồng thời khi ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng thì ông T đã được đọc và đồng ý với các điều kiện quy định tại bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông T, ngày 31/5/2013 Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số 970403-2444 cho ông T sử dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 12.000.000 đồng. Theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng quyết định (theo thông báo về lãi suất số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012 với mức lãi suất là 2.5%/tháng. Thời hạn thanh toán sau ngày 5 đến ngày cuối cùng của tháng (ngày thanh toán do ông T lựa chọn). Ngân hàng đã phát hành và gửi cho ông T thẻ số 970403-2444.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch vay của Ngân hàng số tiền là: 55.932.861 đồng và đã thanh toán được số tiền là 49.167.000 đồng (bao gồm nợ lãi là 5.956.861 đồng, nợ gốc là 42.084.139 đồng, phí trễ hạn 720.000 đồng, phí gửi tin nhắn hàng tháng là 406.000 đồng). Quá trình trả nợ ông T nhiều lần thanh toán trễ hạn. Từ ngày 5/02/2019 thì ông T ngưng thanh toán cho đến nay. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T không có thiện chí trả nợ. Từ ngày 20/12/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T, chuyển toàn bộ nợ dư còn thiếu sang nợ quá hạn vào 06/5/2019.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu cá nhân ông Lê Như T thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 23/7/2020 tổng cộng là 10.267.059đ (mười triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm năm mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là 6.765.861 đồng và nợ lãi là 3.501.198 đồng. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu ông T tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 24/7/2020 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc.

- Bị đơn ông Lê Như T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thì có cơ sở xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 970403-2444 thì ông T đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền vay còn thiếu phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng với tổng số tiền là: 10.267.059 đồng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 10/12/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019 . Tại đơn khởi kiện có ghi người bị kiện là ông Lê Như T có địa chỉ tại số: 231/57/23 đường B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T do ông T không còn cư trú tại địa chỉ mà Ngân hàng cung cấp (theo kết quả xác minh ngày 18/02/2020 của Công an Phường H, Quận F). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vay còn thiếu theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 13/5/2013, có ghi địa chỉ của ông T là 231/57/23 đường B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông T, nhưng ông T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015, điểm e khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự được xem là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngân hàng Thương mại cổ phần phần S khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Ông Lê Như T có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: 231/57/23 đường B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Như T theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự. Xét ông T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Lê Như T là bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này, chứng tỏ ông T đã "*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu …*" mà bên Ngân hàng đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 13/5/2013 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 01/6/2010, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đại diện Ngân hàng đủ cơ sở xác định ngày 13/5/2013 giữa ông Lê Như T và Ngân hàng đã xác lập hợp đồng cấp và sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 31/5/2013 Ngân hàng

đã phê duyệt hạn mức thẻ tín dụng cho ông T là 12.000.000 đồng và đã cấp thẻ tín dụng mã số 970403-2444 cho ông T sử dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã thực hiện các giao dịch vay của Ngân hàng số tiền là: 55.932.861 đồng và đã thanh toán được số tiền là 49.167.000 đồng (bao gồm nợ lãi là 5.956.861 đồng, nợ gốc là 42.084.139 đồng, phí trễ hạn 720.000 đồng, phí gửi tin nhắn hàng tháng là 406.000 đồng). Quá trình trả nợ ông T nhiều lần thanh toán trễ hạn, từ ngày 5/2/2019 thì ngưng thanh toán cho đến nay.

Như vậy, ông Lê Như T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn thiếu là: 6.765.861 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 23/7/2020 là: 3.501.198 đồng. Tổng cộng là 10.267.059đ (Mười triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi chín đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận

Về thời hạn thanh toán: ông T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 10.267.059 (Mười triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi chín) đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, ông Lê Như T còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng trên dư nợ gốc chưa trả, tính từ ngày 24/7/2020 đến khi trả hết nợ.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là: 10.267.059đ x5% = 513.353 đồng.

Do Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0011933 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Buộc ông Lê Như T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vay còn thiếu là: 10.267.059đ (Mười triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi chín đồng) (trong đó: nợ gốc là 6.765.861 đồng và nợ lãi là 3.501.198 đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 13/5/2013 được phê duyệt hạn mức tín dụng ngày 31/5/2013 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày 24/7/2020 ông Lê Như T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lê Như T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Như T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 513.352đ (Năm trăm mười ba ngàn ba trăm năm mươi hai đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0011933 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Như T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn